

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Anh

Ông Mai Ngọc Túy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; đăng ký nhân khẩu thường trú: Phố VK, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Phường HN, quận DK, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Phố VK, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2017, được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 04 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị Phạm Thị N và anh Lê Ngọc Đ xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân do bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm nay, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2011 và Lê Ngọc D, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2013, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc D còn anh Đ đang trực tiếp nuôi con Lê Nhật H. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc D, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nhật H cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2017, bị đơn trình bày:

Anh Đ và chị N kết hôn từ năm 2011, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đ xác nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh; quan điểm của anh là mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên nếu chị N vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác nhận anh và chị N có 02 con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2011 và Lê Ngọc D, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2013. Trường hợp ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê Ngọc Đ; về con chung: Giao mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đề nghị Tòa án đề hai bên tự thỏa thuận, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Hai bên đều đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Ngọc Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ không có yêu cầu phản tố và đã có lời khai trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê Ngọc Đ xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn: Chị N và anh Đ đều xác nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không còn, hai bên đã sống ly thân khoảng 02 năm nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống thực tế của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng hai bên không có bất kỳ biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, vì vậy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc D, anh Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nhật H cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi; anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao mỗi người nuôi 01 con chung

sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng và điều kiện thực tế của hai bên; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê Ngọc Đ được ly hôn.
2. Về con chung: Giao con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2011 cho anh Lê Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Lê Ngọc D, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009584 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. TL, Q. HB, HP;
- (Giấy CNKH ngày 16/5/2011);
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Minh Anh

Mai Ngọc Túy

Phạm Trung Dũng